

Số: 90 /BC - UBND

*Ia Hla, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn xã.**

Thực hiện theo kế hoạch số 233/UBND-VHXH ngày 18/08/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Puh về việc giám sát “ công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện, giai đoạn 2016 – 2020. UBND xã Ia Hla báo như sau:

#### **A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG**

##### **1. Về điều kiện tự nhiên**

Xã Ia Hla là xã đặc biệt khó khăn nằm ở phía Tây Bắc của xã Chư Puh, tỉnh Gia Lai với tổng diện tích tự nhiên 13.200,86 ha, cách trung tâm xã Chư Puh 20km.

Xã Ia Hla có đa dạng về thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng công nghiệp, vật nuôi. Về khí hậu chịu ảnh hưởng của khí hậu Tây Nguyên có 02 mùa rõ rệt, mùa khô và mùa mưa.

##### **2. Về dân số, dân tộc, đơn vị hành chính:**

Toàn xã có 8 thôn, làng trong đó có 02 thôn kinh và 06 thôn, làng ĐBDTTS trong đó có 04 thôn, làng thuộc diện đặc biệt khó khăn, với quy mô dân số 1.436 hộ, 6.178 nhân khẩu; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 851 hộ, 4044 khẩu chiếm tỷ lệ **28.79** %; Hộ nghèo cuối năm 2022 là 288 hộ, 1288 khẩu, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã là 20.6%, trong đó hộ ĐBDTTS là 245 hộ, chiếm tỷ lệ 87,3%, hộ cận nghèo là 186 hộ, 829 khẩu, chiếm tỷ lệ 12.95% trong đó hộ ĐBDTTS là **137** hộ, chiếm tỷ lệ **16.10** % (theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2012-2025).

Với sự tham gia hưởng ứng tích cực của các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị 8 thôn làng và đông đảo quần chúng nhân dân, trong giai đoạn 2016 – 2020 các chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn xã đã đem lại hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh trong toàn xã (giảm từ 527 hộ, chiếm 43,77% đầu năm 2016 xuống còn 173 hộ, chiếm 11,9% đầu năm 2020)

##### **3. Tình hình kinh tế-xã hội:**

Phát triển kinh tế của nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trình độ dân trí không đồng đều, đại đa số là bà con dân tộc thiểu số, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác và sản xuất còn hạn chế. Cơ sở vật chất của xã còn nghèo nàn và lạc hậu,

có năm hạn hán kéo dài, mùa màng bị mất làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân dân.

Mức thu nhập bình quân đầu người được tăng lên đáng kể, năm 2016 là 25 triệu đồng, năm 2017 đạt 27 triệu đồng và năm 2018 đạt 29 triệu đồng, năm 2019 đạt 33 triệu đồng, và năm 2020 đạt 38 triệu đồng.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu tuy có đầu tư nhưng vẫn còn thiếu so với nhu cầu. Định mức đầu tư của chương trình còn thấp so với thực tế nhưng lại chịu nhiều biến động của giá cả thị trường. Đến nay 100% thôn, làng có điện lưới quốc gia, 90% hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 70% thôn có đường liên thôn, nhựa hóa bê tông.

Hiện trên địa bàn xã có 03 trường học, 01 trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Ama Trang Long, 01 trường tiểu học và 01 trường mầm non. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố, tuy nhiên vẫn còn một số trường, điểm trường cơ sở vật chất chưa đáp ứng; chất lượng giáo dục có những chuyển biến rõ nét ở các bậc học.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ có Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia, công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai sâu rộng.

Công tác Văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực, một số giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được phát huy, tiêu biểu là văn hóa Cồng chiêng.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIAI ĐOẠN 2016- 2020**

### **I. Kết quả đạt được**

#### **1. Công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện**

Để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã và hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch giao. Giai đoạn 2016-2020 UBND xã đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo, năm 2019 UBND xã đã ban hành **Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo Số 14/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019.**

UBND xã đã tổ chức tổng kết công tác giảm nghèo để đánh giá tình hình thực hiện, đề ra phương hướng, giải pháp giảm nghèo cho năm tiếp theo. Ban hành Kế hoạch về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã, phân công thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo xã về phụ trách các thôn làng, tập trung các nguồn lực đầu tư cho hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo tỷ lệ hộ nghèo thoát đạt kế hoạch đề ra và bền vững.

UBND xã đã tổ chức hội nghị giữa kỳ về tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá kết quả thực hiện

chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2018 và đề ra phương hướng thực hiện trong thời gian đến.

**Hàng năm** UBND xã đã xây dựng kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn, phân công công chức, cán bộ, đảng viên phụ trách, giúp đỡ trực tiếp từng hộ nghèo triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, giúp hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. **Chỉ đạo các thôn, làng tổ chức rà soát, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo giai đoạn 2016 – 2020.** Bình xét chọn đối tượng thụ hưởng các chế độ, chính sách cũng như việc chọn danh mục công trình để đầu tư xây dựng đều tổ chức họp dân triển khai rộng rãi để dân thảo luận đề xuất, lựa chọn đúng đối tượng, đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu của dân, mang lại hiệu quả thiết thực.

## **2. Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật**

Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững được tuyên truyền bằng nhiều hình thức như tập huấn, lồng ghép vào các hoạt động hội, đoàn thể cụ thể như:

Họp Ban Chỉ đạo quán triệt và phân công từng thành viên tùy theo chức năng nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành mà tuyên truyền vận động nhân dân.

Mở các lớp tập huấn cho cán bộ thôn, làng và cộng đồng dân cư để nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS và hướng dẫn cách làm ăn.

## **3. Chế độ thống kê, báo cáo giám sát, đánh giá kết quả thực hiện**

Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, giữa kỳ và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ( *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo các năm 2016, 2017, 2018, 2019; Báo cáo đánh giá kết quả giữa kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020, Báo cáo kết quả thực hiện công văn số 1637/UBND-KGVX ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Gia Lai*).

UBND xã tổng hợp, thống kê, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình và đề ra phương hướng trong thời gian đến.

## **4. Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020**

### **4.1. Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016-2020**

Tổng số hộ nghèo đầu năm 2016, theo tiêu chí giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn xã là 527 hộ, chiếm tỷ lệ 43,77%. Trong đó, hộ nghèo là người đồng bào DTTS là 412 hộ, chiếm tỷ lệ 78,18% tổng số hộ nghèo toàn xã, hộ cận nghèo là 133 hộ, chiếm tỷ lệ 11,05%, trong đó hộ cận nghèo là ĐB DTTS là 66 hộ chiếm tỷ lệ 49,62% tổng số hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo cuối năm 2016 theo tiêu chí giai đoạn 2016-2020 trên

địa bàn xã là 447 hộ, chiếm tỷ lệ 36,49%. Trong đó, hộ nghèo người đồng bào DTTS là 355 hộ, chiếm tỷ lệ 79,42% tổng số hộ nghèo toàn xã, năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo giảm 7,28%, số hộ cận nghèo cuối năm 2016 là 251 hộ chiếm tỷ lệ 20,49%, trong đó hộ cận nghèo ĐB DTTS là 127 hộ, chiếm tỷ lệ 50,6% tổng số hộ cận nghèo.

Số hộ nghèo cuối năm 2017, trên địa bàn xã là 395 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 29,6%. Trong đó, hộ nghèo người đồng bào DTTS là 323 hộ chiếm tỷ lệ 81,77% tổng số hộ nghèo. Trong 395 hộ nghèo có 245 hộ nghèo về thu nhập và 150 hộ nghèo thiếu hụt về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. hộ cận nghèo còn 174 hộ chiếm tỷ lệ 13,04%, trong đó hộ cận nghèo là ĐB DTTS là 92 hộ chiếm tỷ lệ 52,87% tổng số hộ cận nghèo.

Cuối năm 2018: Toàn xã còn 271 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 19,62%, trong đó hộ nghèo DTTS là 230 hộ chiếm tỷ lệ 84,87% tổng số hộ nghèo, tỷ lệ thoát nghèo trong năm 2018 đạt tỷ lệ 9,98% về hộ cận nghèo còn 123 hộ chiếm tỷ lệ 8,91% trong đó hộ cận nghèo là ĐB DTTS là 75 hộ chiếm tỷ lệ 60,98% tổng số hộ cận nghèo.

Cuối năm 2019: Toàn xã còn 173 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 11,9%, trong đó hộ nghèo DTTS là 151 hộ chiếm tỷ lệ 87,3% tổng số hộ nghèo, tỷ lệ thoát nghèo trong năm 2019 đạt tỷ lệ 7,72% về hộ cận nghèo còn 119 hộ chiếm tỷ lệ 8,22% trong đó hộ cận nghèo là ĐB DTTS là 77 hộ chiếm tỷ lệ 64,7% tổng số hộ cận nghèo.

Qua gần 05 năm thực hiện chương trình giảm nghèo. Kết quả hộ nghèo trên địa bàn xã giảm từ 43,77% cuối năm 2015 xuống còn 11,9% cuối năm 2019, trung bình mỗi năm giảm trên 6,04%/năm, vượt chỉ tiêu giảm nghèo theo Quyết định 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (*giảm 3-4% năm*), Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy (*giảm 3-5% năm*), Nghị quyết của Đảng bộ xã (*giảm 5%/ năm*).

#### **4.2 Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ, giải quyết thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản.**

##### **\* Về Giáo dục – Đào tạo**

Cơ sở vật chất trường, lớp được đầu tư nâng cấp, công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; đội ngũ giáo viên thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng, chuẩn hóa, chất lượng đã được nâng lên rõ rệt; công tác an ninh học đường được chú trọng triển khai, phong trào “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã tạo ra cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp trong nhà trường. Toàn xã có 3 trường (01 trường THCS bán trú, 01 trường TH, 01 trường Mầm non) có 1140 học sinh tỷ lệ duy trì sỹ số đạt 99%, tất cả các trường đã phân công chuyên môn, thời khóa biểu, biên chế lớp học hợp lý, vệ sinh trường lớp phục vụ tốt công tác dạy và học; tỷ lệ huy động con em DTTS trong độ tuổi đến trường đạt 90%.

- Kết quả giảm nghèo về giáo dục:

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo trong tiếp cận giáo dục đối với người lớn trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 22,2% (272 hộ), đến cuối năm 2019 còn 10,7% (149 hộ).

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo trong giáo dục trẻ em trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 1,79% (22 hộ), đến cuối năm 2019 còn 0,94% (13 hộ).

### **\*. Về y tế**

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được duy trì thường xuyên; công tác phòng, chống và kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn xã được tăng cường và quan tâm kịp thời, nhất là trong thời gian chuyển mùa. Chương trình y tế chăm sóc sức khỏe cho người nghèo luôn được quan tâm, hoạt động khám, chữa bệnh bằng thẻ BHYT được chú trọng.

Năm 2016: Cấp 4.531 thẻ BHYT trong đó đối tượng người nghèo 1.030 thẻ; đối tượng người DTTS 2028 thẻ, đối tượng người sinh sống vùng ĐBKK 1.473 thẻ.

Năm 2017: Cấp 4.964 thẻ BHYT trong đó đối tượng người nghèo 258 thẻ; đối tượng người DTTS 2786 thẻ, đối tượng người sinh sống vùng ĐBKK 1.650 thẻ.

Năm 2018: Cấp 4.828 thẻ BHYT trong đó đối tượng người DTTS 2.759 thẻ, đối tượng người sinh sống vùng ĐBKK 2.069 thẻ.

Năm 2019: Cấp bổ sung 260 thẻ BHYT.

Năm 2020 cấp bổ sung 271 thẻ BHYT

- Kết quả giảm nghèo về y tế:

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo, cận nghèo trong tiếp cận các dịch vụ y tế: Từ năm 2016-2020 xã không có hộ nghèo, cận nghèo thiếu hụt về tiếp cận dịch vụ y tế.

### **\*. Về nhà ở**

Theo Quyết định 455/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh (hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ – TTg) thì toàn xã có 23 hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 2011 – 2015 khó khăn về nhà ở, trong đó có 01 hộ đã được giải ngân năm 2016, 4 hộ giải ngân năm 2017, tổng số tiền đã giải ngân 125 triệu đồng) để các hộ có kinh phí sửa chữa lại nhà ở. Còn lại 18 hộ không có nhu cầu vay vốn.

- Kết quả giảm nghèo về nhà ở:

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo về chất lượng nhà ở trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 27,1% (332 hộ), đến cuối năm 2019 còn 4,9% (68 hộ).

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo về diện tích nhà ở trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 12,8% (158 hộ), đến cuối năm 2019 còn 10,2% (141 hộ).

### **\*. Về nước sạch vệ sinh môi trường:**

Các hoạt động bảo vệ môi trường ở nông thôn ngày càng được quan tâm, Xã đã tăng cường xử lý các điểm đen, điểm nóng về môi trường và các cơ sở, hộ gia đình gây ô nhiễm môi trường, hướng dẫn cho bà con đào hố rác và xử lý rác thải tại hộ gia đình.

Đẩy mạnh triển khai chính sách tín dụng ưu đãi cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, kết quả đã giải quyết nhu cầu vay vốn cho 202 lượt hộ với số tiền hơn 2,7 tỷ đồng, đã đáp ứng được nhu cầu về xây dựng các công trình vệ sinh, nước sạch của người dân.

- Kết quả giảm nghèo về nước sạch và vệ sinh môi trường:

+ Tỷ lệ thiếu hụt nước sạch của hộ nghèo giai đoạn 2016-2018 là 0%

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo về hố xí, nhà vệ sinh trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 33,4% (410 hộ), đến cuối năm 2019 còn 10,7% (148 hộ).

### **\* Về tiếp cận thông tin:**

Xã đã tập trung triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và xác định đây là nội dung quan trọng để xây dựng con người văn hóa, làm nhân tố hình thành lên gia đình văn hóa và cộng đồng văn hóa một cách bền vững; hiện nay có 7/8 số thôn, làng trên địa bàn xã được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

8/8 thôn, làng có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các quy ước văn hóa ở khu dân cư ngày càng được người dân quan tâm và trở thành nét đẹp trong đời sống văn hóa của người dân nông thôn, góp phần giảm tệ nạn xã hội, từng bước xóa bỏ những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan ở nông thôn.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền của xã được quan tâm đầu tư, toàn xã có 15 cụm loa nhưng đã có 7 cụm bị hư hỏng và 8 cụm còn lại vẫn hoạt động. Phần lớn các hộ dân trên địa bàn đều có phương tiện nghe, xem, đường truyền mạng viễn thông phủ sóng đến các thôn, làng nên việc tiếp cận thông tin của người dân trở nên dễ dàng, thuận lợi.

- Kết quả giảm nghèo về thông tin:

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo trong sử dụng dịch vụ viễn thông trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 5,3% (65 hộ), đến cuối năm 2019 còn 1,1% (14 hộ)

+ Tỷ lệ thiếu hụt của hộ nghèo trong sử dụng các tài sản tiếp cận thông tin trong tổng số hộ dân cư năm 2016 là 13,9% (171 hộ), đến cuối năm 2019 còn 4,8% (67 hộ).

Nhìn chung, các chỉ tiêu đánh giá về tiếp cận của hộ nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản trên địa bàn xã trong thời gian qua có xu hướng giảm dần, các chương trình, dự án về giảm nghèo đã giúp cho người nghèo tiếp cận được một cách đầy đủ

với các dịch vụ xã hội cơ bản. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu còn gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện đó là tỷ lệ giáo dục của người lớn, chất lượng, diện tích nhà ở, làm nhà vệ sinh đối với người đồng bào dân tộc thiểu số.

### **4.3. Kết quả thực hiện các dự án của Chương trình**

#### **Kết quả thực hiện Dự án 2: chương trình 135**

**\* Tiểu dự án 1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn, thôn, làng đặc biệt khó khăn.**

Năm 2016: Làm đường giao thông nông thôn thôn Cây Xoài với tổng mức đầu tư 335.263.000 đồng, đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Năm 2017: Làm đường giao thông nông thôn thôn Tong Kek đi thôn Cây Xoài với tổng mức đầu tư 1.072.861.000 đồng, đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Năm 2018: Làm đường giao thông nông thôn thôn Tong Kek

**\* Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã ĐBKK, thôn, làng ĐBKK.**

Năm 2016: Cấp bò giống 7 con/7 hộ; giống ngô CP888 cho 62 hộ/393,59kg; giống phân NPK cấp cho 144 hộ/4619,89kg.

Năm 2017: Cấp bò giống 6 con/6 hộ; giống ngô CP888 cho 121 hộ/823,37kg kinh phí 54.450.000 đồng; giống phân NPK cấp cho 99 hộ/3.535,58kg với kinh phí 66.740.000 đồng.

Năm 2018: Giống phân NPK cấp cho 32 hộ/18536.48 kg với tổng kinh phí 238.000.000 đồng.

Năm 2019: Cấp giống nhãn Hương chi cho 35 hộ với tổng kinh phí là 266.000.000 đồng.

Năm 2020: Cấp giống dê sinh sản cho 39 hộ ( mỗi hộ 1 cặp dê sinh sản) với tổng kinh phí là 296.000.000đ

**\* Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cộng đồng ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới. Xã an toàn khu; thôn làng đặc biệt khó khăn**

Năm 2017 cử 135 cán bộ và nhân dân các thôn, làng tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng.

Năm 2018 cử 46 cán bộ và nhân dân các thôn, làng tham gia lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng.

### **5. Kết quả thực hiện một số chính sách giảm nghèo khác:**

#### **5.1. Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi**

UBND xã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ xã và Hội Nông dân xã triển khai thực hiện cho vay tín dụng ưu đãi, đa số hộ nghèo đã sử dụng vốn vay có hiệu quả và có ý thức trong việc hoàn trả vốn. Dư nợ cho vay trên toàn xã tới thời điểm hiện tại đạt trên 27 tỷ đồng, trong đó tập trung chủ yếu vào các chương trình tín dụng như: Hộ nghèo 10.817 triệu đồng; hộ cận nghèo 5.246 triệu đồng; vay hộ thoát nghèo: 3.615 triệu đồng; vay xuất khẩu lao động 28 triệu đồng; cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn 4.426 triệu đồng; vay nước sạch vệ sinh môi trường 3.224 triệu đồng. Hiện nay 100% hộ nghèo đã được tiếp cận vốn vay, tuy nhiên vẫn còn một số hộ sử dụng vốn vay chưa có hiệu quả.

## 5.2 Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện.

Năm 2016 tuyên truyền vận động, tuyển chọn được 12 lao động đi xuất khẩu lao động tại thị trường Ả rập Xê Út.

Năm 2017 tuyên truyền vận động, tuyển chọn được 4 lao động đi xuất khẩu lao động (tại thị trường Ả rập Xê Út: 03 người; malayxia: 01 người)

Năm 2018 tuyên truyền vận động, tuyển chọn được 3 lao động đi xuất khẩu lao động tại thị trường Ả rập Xê Út.

Đến nay một số hộ nhờ đi xuất khẩu lao động đã có một số vốn để làm ăn và vươn lên thoát nghèo, tuy nhiên do tâm lý của người ĐBDTTS không muốn xa gia đình nên số người đi xuất khẩu lao động nước ngoài ngày càng ít. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn xã

## 5.3. Chương trình khuyến nông, khuyến ngư, mô hình hỗ trợ sản xuất

Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng: trước tình hình diện tích hồ tiêu bị chết do biến đổi khí hậu, hạn hán, dịch bệnh, giá cả giảm sâu, chính quyền địa phương và các ngành chuyên môn đã tập trung tuyên truyền, hướng dẫn cho nhân dân chuyển đổi sang trồng cà phê xen canh cây ăn quả, trồng cây ăn quả xen canh cây ngắn ngày. Đến nay nhiều diện tích cây ăn quả như sầu riêng, bơ, mít... đã đem lại hiệu quả, tăng thu nhập cho nông dân; trong năm 2019, đã liên kết, ký hợp đồng trồng và tiêu thụ nhãn Hương Chi của hợp tác xã Trường Xuân.

Chương trình tái canh cà phê: nhận và cấp giống cà phê cho các hộ tái canh. Năm 2017, triển khai thực hiện chương trình tái canh cà phê tổng diện tích là 11,3 ha cho 11 hộ; năm 2018, triển khai thực hiện chương trình tái canh cà phê tổng diện tích 0,7 ha cho 2 hộ, năm 2019, trồng tái canh cà phê cho tổng diện tích toàn xã là 2,5 ha, cho 4 hộ. Đến nay số cà phê tái canh đang phát triển tốt.



Chương trình phát triển Hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: Số lượng HTX đến thời điểm tháng 8/2019 trên địa bàn xã là 02 HTX .

#### **5.4. Chương trình cấp không thu tiền theo Quyết định số 102/2009/QĐ - TTg và Quyết định số 168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

UBND xã đã nhận và cấp giống cây trồng, vật nuôi, phân bón cho các hộ dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo ở các thôn, làng.

Năm 2016: Nhận và cấp 16 con bò cho 16 hộ.

Năm 2017: Nhận và cấp bò giống 18 con/18 hộ; giống ngô CP888 cho 264 hộ với kinh phí 117.500.000 đồng; phân bón NPK cho 21 hộ với kinh phí 10.400.000 đồng.

Năm 2018: Nhận và cấp bò giống 14 con/14 hộ; giống ngô CP888 cho 164 hộ với kinh phí 75.600.000 đồng; phân bón NPK cho 106 hộ/3.467,39 kg với kinh phí 48.600.000 đồng; giống lúa HT1 cho 5 hộ/104,35 kg với kinh phí 2.800.000 đồng; giống ngô Biossed cho 5 hộ/21,84 kg với kinh phí 1.900.000 đồng.

Năm 2019: Nhận và cấp Bò giống: 14 con/14 hộ/7 thôn làng tổng kinh phí 229.600.000 đồng. Phân bón NPK: Tổng 3.256,87 kg với kinh phí 47.550.260 đồng cấp cho 14 hộ/7 thôn làng.

Đến nay giống cây, bò giống phát triển tốt, tuy nhiên một số bò giống do tình cấp không thích hợp khí hậu dẫn đến bò kém phát triển và chết.

#### **5.5. Chính sách hỗ trợ tiền điện:**

Năm 2016: Nhận và cấp tiền điện 5 tháng cho đối tượng hộ nghèo 527 hộ với số tiền 129.115.000 đồng.

Năm 2017: Nhận và cấp tiền điện 10 tháng cho đối tượng hộ nghèo 447 hộ với số tiền 219.030.000 đồng.

Năm 2018: Nhận và cấp tiền điện 8 tháng cho đối tượng hộ nghèo 245 hộ với số tiền 96.040.000 đồng, ngoài ra còn cấp cho 3 hộ thuộc đối tượng hỗ chính sách xã hội không nghèo với số tiền 882.000 đồng.

Năm 2019: Nhận và cấp tiền điện cho đối tượng hộ nghèo là 271 hộ với số tiền 159.348.000 đồng.

## **II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

### **1. Những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn xã vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như sau: chênh lệch giàu - nghèo trong dân cư, một bộ phận người

dân nghèo còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa ý thức để vươn lên thoát nghèo.

Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo tuy nhiều nhưng dàn trải.

Hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ còn cao.

Việc lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo vẫn còn những sai sót về tên, tuổi, trùng đối tượng dẫn đến khó khăn trong việc khám chữa bệnh

## **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

**a. Nguyên nhân chủ quan :** Những chính sách giảm nghèo thời gian qua nhìn chung đều phát huy được hiệu quả, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của xã. Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư cho chương trình giảm nghèo hạn chế, chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Trung ương. Có nhiều chính sách giảm nghèo, nhưng chủ yếu mang tính hỗ trợ, trong khi chính sách đầu tư tạo sinh kế cho người nghèo chưa nhiều, do vậy chưa tạo ra sự đột phá trong thực hiện chương trình.

Đa số hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số; mặt bằng dân trí không đồng đều, chưa biết cách tổ chức, sắp xếp cuộc sống, không có sự tích lũy. Một số hộ nghèo chưa nhận thức đầy đủ việc vay vốn, chính sách tín dụng, nên có tâm lý không muốn thoát nghèo; nhiều hộ sử dụng vốn chưa hiệu quả nhất là đối với hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về giảm nghèo chưa được tổ chức thường xuyên; còn một bộ phận người nghèo thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo, trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng.

### **b. Nguyên nhân khách quan :**

Các chương trình giảm nghèo thiếu tập trung, dàn trải, nhất là về cơ sở hạ tầng dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp, chất lượng chưa cao và còn hạn chế; thị trường tiêu thụ nông sản, hàng hóa không ổn định, giá cả lên xuống thất thường, nhân dân thiếu thông tin về thị trường dẫn đến hiệu quả kinh tế của các mô hình không cao.

Chưa có các chính sách hỗ trợ hợp lý cho hộ mới thoát nghèo để thoát nghèo bền vững.

## **III. Đánh giá chung**

Nhìn chung, các chính sách an sinh xã hội và chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn, trong thời qua được triển khai đồng bộ, kịp thời; từ đó, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển kinh tế gia đình để vươn lên thoát nghèo.

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ cho người nghèo.

Người nghèo đã tiếp cận thuận tiện hơn các chính sách trợ giúp của nhà nước; cơ sở hạ tầng nông thôn được tăng cường triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, đời sống của người nghèo được từng bước cải thiện, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác quản lý, nắm bắt tình hình đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm có chuyển biến tích cực so với các năm trước.

#### **IV. Đề xuất, khuyến nghị về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021-2025**

- Tiếp tục đẩy mạnh các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cho các hộ đồng bào DTTS, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để tạo tiền đề phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống nhằm thoát nghèo bền vững

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn xã Ia Hla./.

***Nơi nhận:***

- Phòng LĐTBXH;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Đình Bình**